TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG**



**TIỂU LUẬN**

**HỌC PHẦN: TRIẾT HỌC**

**TÊN ĐỀ TÀI: VĂN HÓA YÊU NƯỚC – GIÁ TRỊ CỐT LÕI CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM**

|  |
| --- |
| **Người thực hiện: Nguyễn Duy Hàn Lâm**  **MSSV: 196005004**  **Hệ: Bồi dưỡng Sau đại học**  **Nhóm: 01** |
|  |

**Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 01 năm 2021**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG**



**TIỂU LUẬN**

**HỌC PHẦN: TRIẾT HỌC**

**TÊN ĐỀ TÀI: VĂN HÓA YÊU NƯỚC – GIÁ TRỊ CỐT LÕI CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM**

|  |
| --- |
| **Người thực hiện: Nguyễn Duy Hàn Lâm**  **MSSV: 196005004**  **Hệ: Bồi dưỡng Sau đại học**  **Nhóm: 01** |
|  |

**Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 01 năm 2021**

**TIỂU LUẬN ĐƯỢC HOÀN THÀNH**

**TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG**

Tôi xin cam đoan đây là sản phẩm tiểu luận của riêng tôi và được sự hướng dẫn của thầy Trần Quốc Hoàn. Các nội dung nghiên cứu, kết quả trong đề tài này là trung thực và chưa công bố dưới bất kỳ hình thức nào trước đây. Những số liệu trong các bảng biểu phục vụ cho việc phân tích, nhận xét, đánh giá được chính tác giả thu thập từ các nguồn khác nhau có ghi rõ trong phần tài liệu tham khảo.

Ngoài ra, trong tiểu luận còn sử dụng một số nhận xét, đánh giá cũng như số liệu của các tác giả khác, cơ quan tổ chức khác đều có trích dẫn và chú thích nguồn gốc.

**Nếu phát hiện có bất kỳ sự gian lận nào tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung tiểu luận của mình.** Trường đại học Tôn Đức Thắng không liên quan đến những vi phạm tác quyền, bản quyền do tôi gây ra trong quá trình thực hiện (nếu có).

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 01 năm 2021*

*Tác giả*

*(ký tên và ghi rõ họ tên)*

*Nguyễn Duy Hàn Lâm*

PHẦN XÁC NHẬN VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA GIẢNG VIÊN

**Phần xác nhận của GV hướng dẫn**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

(kí và ghi họ tên)

**Phần đánh giá của GV chấm bài**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

(kí và ghi họ tên)

MỤC LỤC

[PHẦN XÁC NHẬN VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA GIẢNG VIÊN ii](#_Toc62942249)

[MỤC LỤC 1](#_Toc62942250)

[TÓM TẮT NỘI DUNG 3](#_Toc62942251)

[Chương 1: YÊU NƯỚC VÀ VĂN HÓA YÊU NƯỚC 4](#_Toc62942252)

[1.1 Hiểu về yêu nước 4](#_Toc62942253)

[1.2 Hiểu về văn hóa yêu nước 5](#_Toc62942254)

[1.3 Bàn luận chung về yêu nước và văn hóa yêu nước 6](#_Toc62942255)

[1.4 Tổng kết chương 1 8](#_Toc62942256)

[Chương 2: VĂN HÓA YÊU NƯỚC Ở VIỆT NAM 9](#_Toc62942257)

[2.1 Văn hóa yêu nước – giá trị cốt lõi của dân tộc Việt Nam qua các thời kỳ của lịch sử 9](#_Toc62942258)

[2.1.1 Chủ nghĩa yêu nước trong buổi đầu dựng nước (Hùng Vương – An Dương Vương (năm 179 TCN)) 9](#_Toc62942259)

[2.1.2 Chủ nghĩa yêu nước trong thời kỳ Bắc thuộc (năm 179 TCN – năm 938) 12](#_Toc62942260)

[2.1.3 Chủ nghĩa yêu nước trong thời kỳ phong kiến Việt Nam (năm 938 – năm 1884) 18](#_Toc62942261)

[2.1.4 Chủ nghĩa yêu nước trong thời kỳ chống thực dân, phát xít, đế quốc xâm lược (năm 1884 – năm 1975) 27](#_Toc62942262)

[2.1.5 Chủ nghĩa yêu nước trong buổi đầu thống nhất (năm 1975 – năm 1986) 34](#_Toc62942263)

[2.1.6 Chủ nghĩa yêu nước trong thời kỳ đổi mới (năm 1986 – nay) 34](#_Toc62942264)

[2.2 Văn hóa yêu nước – giá trị cốt lõi của dân tộc Việt Nam qua đời sống vật chất, lao động 36](#_Toc62942265)

[2.3 Văn hóa yêu nước – giá trị cốt lõi của dân tộc Việt Nam qua đời sống chính trị, đạo đức, tinh thần 38](#_Toc62942266)

[2.3.1 Trong chính trị - xã hội 38](#_Toc62942267)

[2.3.2 Trong đạo đức, chuẩn mực xã hội 39](#_Toc62942268)

[2.3.3 Trong văn học, nghệ thuật 39](#_Toc62942269)

[2.4 Tổng kết 39](#_Toc62942270)

[TÀI LIỆU THAM KHẢO 41](#_Toc62942271)

TÓM TẮT NỘI DUNG

Lòng yêu nước là tình yêu quê hương tổ quốc, đất nước. Là một nét đẹp văn hóa cũng như là sức mạnh của dân tộc Việt Nam. Từ lòng yêu nước nồng nàn này đã tạo nên một tinh thần mạnh mẽ của mỗi người dân Việt Nam, đó là tinh thần mong muốn dốc hết sức, khả năng của mình để phục vụ cho lợi ích của quê hương và tổ quốc.

Lòng yêu nước bắt nguồn từ những điều giản đơn, gần gũi nhất. Bắt nguồn từ tình yêu đối với người thân trong gia đình, phát triển dần lên thành tình yêu với hàng xóm, quê hương và đỉnh cao của nó chính là lòng yêu nước.

Lòng yêu nước là giá trị cốt lõi của dân tộc Việt Nam. Được biểu hiện qua bề dày của lịch sử, trong văn chương, nghệ thuật cho đến khoa học và mọi lĩnh vực khác trong cuộc sống. Lòng yêu nước đã tạo nên một nét đẹp về văn hóa và con người Việt Nam, một con người Việt Nam tuy hết sức bình dị, chất phát nhưng lại có một tâm hồn vị tha, nhân ái và nghĩa tình.

Tài liệu xin trình bày và làm rõ đề tài văn hóa yêu nước – giá trị cốt lõi của dân tộc Việt Nam thông qua các nội dung sau:

* Khái quát về yêu nước và văn hóa yêu nước.
* Văn hóa yêu nước được thể hiện qua bề dày lịch sử của dân tộc Việt Nam.
* Văn hóa yêu nước trong đời sống tinh thần, vật chất, sinh hoạt và làm việc của người Việt Nam.
* Văn hóa yêu nước trong công cuộc đổi mới và cách mạng hiện đại 4.0.

Chương 1: YÊU NƯỚC VÀ VĂN HÓA YÊU NƯỚC

Trong chương này tài liệu này sẽ trình bày về các khái niệm về yêu nước, và văn hóa yêu nước.

* 1. Hiểu về yêu nước

Quốc gia là một nhóm người có ý thức hình thành một cộng đồng, chia sẻ một nền văn hóa chung, gắn bó với một lãnh thổ được phân định rõ ràng, có quá khứ chung, kế hoạch chung cho tương lai và đòi quyền tự trị. Vì vậy, theo quan điểm này, “quốc gia” bao gồm năm yếu tố: tâm lý (ý thức thành lập một nhóm), văn hóa, lãnh thổ, chính trị và lịch sử.[1]

Yêu nước được hiểu đơn giản đó chính là tình yêu của một người đối với quốc gia mà họ sinh ra, lớn lên và sinh sống ở đó. Tình yêu đối với quốc gia của một người có thể được biểu thị bằng nhiều cách khác nhau, tuy nhiên chung quy lại ta có thể hiểu tình yêu đó được biểu thị bằng cách đem hết khả năng về trí lực, thể lực, của cải,… để phục vụ vì lợi ích chung của quốc gia mà người đó đang thể hiện lòng yêu nước.

Đối với riêng người Việt Nam, lòng yêu nước là một tình cảm vô cùng thiêng liêng và cao đẹp. Nó không chỉ là tình yêu của mỗi cá nhân đối với tổ quốc mà nó còn là tình yêu của mỗi cá nhân dành cho cá nhân, tình yêu giữa cá nhân – con người với thiên nhiên.

Việt Nam là một quốc gia có nền văn minh lúa nước lâu đời. Người dân chủ yếu sống dựa trên canh tác lúa nước, cây trồng là chính, cây lúa chính là biểu tượng của người Việt, được vẽ trên quốc huy của người Việt. Qua hoạt động lao động sản xuất đã xây dựng nên tính cộng đồng trong người Việt, tình yêu đối với cây cối, thiên nhiên. Ngoài ra, tự nhiên còn ban cho người Việt một lối sống trọng tình, trọng nghĩa. Vì thế khi nhắc đến lòng yêu nước ở Việt Nam, ta có thể hiểu đó là một tình cảm vô cùng bình dị, đó là tình cảm dành cho những người thân trân quý, gần gũi, là tình cảm dành cho xóm làng, là tình cảm dành cho con người, cỏ cây, hoa màu, động vật và thiên nhiên. Từ những thứ tình cảm đơn giản ấy ta gom lại sẽ tạo thành một tình yêu, lòng yêu nước to lớn và vĩ đại của người Việt.

Nước, một chất lỏng không màu, không mùi, không vị, tuy nhiên nước là huyết mạch, là nguồn nuôi dưỡng và tồn tại cho vạn vật. Cỏ cây, hoa lá nếu thiếu nước sẽ héo úa, chóng tàn. Con người và động vật, thiếu nước, cũng sẽ chết dần vì héo tàn và đói khát do từng tế bào trong cơ thể có một phần lớn là nước. Là một quốc gia có nền văn minh lúa nước, trồng trọt lâu đời nên người Việt hiểu rất rõ về vai trò to lớn và thiết yếu của nước. Bên cạnh đó, do người Việt có tính cộng đồng cao, lại rất trọng tình nghĩa nên người Việt từ lâu khó sống tách rời với nhau. Người Việt luôn quan điểm một cuộc sống hạnh phúc chính là một cuộc sống bên gia đình, bên những người xung quanh mà mình mình yêu quý. Là những điều mà người Việt luôn khao khát và không thể nào sống mà thiếu những thứ tình cảm bình dị như này được, giống như không thể sống mà thiếu nước được. Mọi thứ mà người Việt yêu quý, trân trọng đều nằm trên một mảnh đất gọi là quốc gia theo như ta đã định nghĩa. Vì thế người Việt gọi “quốc gia” với một tên gọi thân thương khác là “đất nước” hay gọi tắt là “nước”. Vì thế tình yêu đối với quốc gia được người Việt Nam gọi là yêu nước.

* 1. Hiểu về văn hóa yêu nước

Văn hóa là 1 tập hợp tổng thể phức tạp bao gồm tri thức, tinh thần, tín ngưỡng, nghệ thuật, đạo đức, luật pháp, phong tục tập quán và bất kỳ năng lực và thói quen nào khác mà con người có được với tư cách là một thành viên của xã hội.[2]

Như vậy, theo định nghĩa về văn hóa ở trên, ta có thể biết được thế nào là văn hóa yêu nước bằng cách kết hợp giữa khái niệm yêu nước và khái niệm văn hóa.

Văn hóa yêu nước là 1 tập hợp tổng thể phức tạp bao gồm tri thức, tín ngưỡng, nghệ thuật, đạo đức, luật pháp, phong tục tập quán và bất kỳ năng lực và thói quen nào khác mà con người có được với tư cách là một thành viên của xã hội được dùng để phục vụ cho lợi ích chung của quốc gia và dân tộc.

Từ đây, ta có thể chứng minh văn hóa yêu nước là giá trị cốt lõi của dân tộc Việt Nam bằng cách dựa trên các phương diện về văn hóa như lịch sử, nghệ thuật, khoa học – tri thức,… Nền tảng này cũng sẽ là nội dung chính sẽ được trình bày ở các mục sau của tài liệu.

* 1. Bàn luận chung về yêu nước và văn hóa yêu nước

Chủ nghĩa yêu nước không thuần túy chỉ là tư tưởng yêu nước, tình cảm yêu nước hay lòng yêu nước nói chung. Nó cũng không đồng nhất với tinh thần yêu nước, hay truyền thống yêu nước. Chủ nghĩa yêu nước chính là sự kết hợp chặt chẽ giữa lý trí yêu nước và tình cảm yêu nước của con người, là sự phát triển ở trình độ cao của tư tưởng yêu nước, là tinh thần yêu nước đạt đến sự tự giác.[3]

Như đã trình bày ở mục 1.1, yêu nước chính là tập hợp các yếu tố về trí thức, tình cảm, ý chí, các khả năng của con người được sử dụng để tạo thành động lực tinh thần to lớn để thúc đẩy họ sẵn sàng cống hiến sức lực, trí tuệ, thân thể để cống hiến vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Tuy nhiên ta ở đây cần phải xét thêm về tính tự giác.

Yêu nước mà không xuất phát từ sự tự giác thì yêu nước sẽ là một sự gò ép, khô khan. Sự gò ép, khô khan này không thể tạo nên động lực để giúp một người có thể phát huy hết khả năng để phục vụ cho tổ quốc. Vì thế để có một lòng yêu nước đúng nghĩa cần phải có sự tự giác cao độ.

Phẩm chất yêu nước chính là lòng thương người, lòng yêu quê hương, đất nước, dân tộc. Ngoài ra lòng yêu thương, kính trọng, duy trì thuần phong, mỹ tục cùng những truyền thống tốt đẹp của dân tộc cũng được coi là yêu nước. Vì duy trì thuần phong, mỹ tục, truyền thống chính là một trong những mục tiêu, lợi ích của quốc gia và dân tộc.

Yêu nước vừa là cảm tính vừa là lý tính. Yêu nước với tình cảm thương người, yêu quê hương, đất nước, dân tộc đều xuất phát từ sự hiểu biết của lý trí. Khi có sự hiểu biết cụ thể về yêu nước, con người sẽ có những hành động cụ thể để bảo vệ và phát triển tổ quốc, bảo vệ và phát triển con người và dân tộc. Từ đó phát triển lòng yêu nước thành động lực giúp con người có thể đứng lên để bảo vệ độc lập dân tộc trong những hoàn cảnh lịch sử cụ thể. Từ đó, lòng yêu nước trở thành động lực để giúp con người có thể mang vinh hoa về cho tổ quốc, phát triển tổ quốc thành 1 đất nước công bằng, dân chủ, văn minh và giàu đẹp.

Từ đây, ta có thể biết được những mục tiêu cụ thể của lòng yêu nước ở Việt Nam:

* Yêu nước chính là phát huy tình yêu đối với dân tộc, nhân dân và con người.
* Yêu nước phải gắn liền với yêu chủ nghĩa xã hội, hướng đến mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.
* Yêu nước chính là làm giàu cho đất nước, gia đình và bản thân.
* Yêu nước chính là nâng cao lòng tự hào về dân tộc.
* Yêu nước chính là góp phần bảo vệ, xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa, chính trị, xã hội và khoa học cho dân tộc.
* Yêu nước chính là ý thức về sự ôn hòa, hòa bình của nhân loại. Yêu nước gắn liền với ý thức làm bạn với nhân dân thế giới, ý thức về lợi ích và phát triển của nhân loại.

Từ những mục tiêu trên ta biết được những biểu hiện nào được coi là văn hóa yêu nước.

Vị trí và ý nghĩa của lòng yêu nước ở Việt Nam:

* Chủ nghĩa yêu nước của người dân Việt Nam là nguồn sức mạnh chính, là động lực để đưa Việt Nam vượt qua những thách thức, khó khăn để gặt hái những thành tựu, thắng lợi.
* Chủ nghĩa yêu nước là giá trị thiêng liêng của dân tộc Việt Nam, dù là đồng bào trong nước hay Việt kiều ở nước ngoài. Chủ nghĩa yêu nước là đặc điểm tiêu biểu của người Việt Nam.
* Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam là nội dung cốt lõi của tư tưởng Việt Nam, của nhân sinh quan và thế giới quan Việt Nam, là hạt nhân của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.[3]
* Dù ở bất cứ đâu, bất cứ nơi nào, người Việt luôn hướng về tổ quốc, luôn mang trong mình một lòng yêu nước mãnh liệt.
  1. Tổng kết chương 1

Trong chương 1 ta đã biết được thế nào là lòng yêu nước, văn hóa cũng như thế nào là văn hóa yêu nước, vị trí và ý nghĩa của chủ nghĩa yêu nước ở Việt Nam.

Lòng yêu nước là tình yêu mãnh liệt của một người đối với quốc gia mà họ sinh sống, họ sẵn sàng cống hiến hết mình để phụng sự cho lợi ích chung của quốc gia. Ở Việt Nam, lòng yêu nước không những là một tình yêu bình dị, mà còn là một giá trị cốt lõi, thiêng liêng của dân tộc. Lòng yêu nước ở Việt Nam chính là tình yêu đối với quê hương, tổ quốc, con người và thiên nhiên của Việt Nam.

Văn hóa yêu nước là tập hợp các giá trị về lịch sử, vật chất, tinh thần và khả năng của con người,… để thể hiện lòng yêu nước. Văn hóa yêu nước ở Việt Nam chính là các giá trị về lòng yêu quê hương, đất nước, con người, thiên nhiên, chủ nghĩa xã hội. Bên cạnh đó, văn hóa yêu nước ở Việt Nam còn chứa các giá trị về lòng tự tôn dân tộc, sự tự giác ý thức về xây dựng, bảo vệ và phát triển tổ quốc để đưa Việt Nam trở thành một đất nước dân giàu, nước mạnh, xã hội, công bằng, dân chủ, văn minh, để người dân Việt nào cũng được độc lập, tự do, hạnh phúc, “ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành” (Chủ tịch Hồ Chí Minh, Cứu Quốc, 21/01/1946).

Trong chương sau ta sẽ bàn về văn hóa yêu nước trong lịch sử cũng như các lĩnh vực đời sống, lao động, văn hóa và tinh thần ở Việt Nam.

Chương 2: VĂN HÓA YÊU NƯỚC Ở VIỆT NAM

Trong chương này ta sẽ làm rõ chủ đề “Văn hóa yêu nước – giá trị cốt lõi của dân tộc Việt Nam” bằng cách trình bày văn hóa yêu nước qua các thời kỳ lịch sử, qua các lĩnh vực đời sống, lao động, văn hóa và tinh thần của người Việt Nam.

2.1 Văn hóa yêu nước – giá trị cốt lõi của dân tộc Việt Nam qua các thời kỳ của lịch sử

Việt Nam là một đất nước có bề dày lịch sử, trong hơn 4000 năm xây dựng và bảo vệ tổ quốc, giá trị về lòng yêu nước luôn là một nguồn sức mạnh giúp ta vượt qua muôn vàn thử thách, giúp ta chiến thắng khi đương đầu với các kẻ thù xâm lăng bờ cõi.

Qua một quá trình lịch sử lâu dài, lòng yêu nước được xây dựng từ những điều bình dị, yêu gia đình, xóm làng,… phát triển dần lên thành tình yêu quê hương, tổ quốc và cuối cùng phát triển thành 1 tư tưởng sâu sắc, toàn diện.

2.1.1 Chủ nghĩa yêu nước trong buổi đầu dựng nước (Hùng Vương – An Dương Vương (năm 179 TCN))

Vào khoảng thế kỉ VIII – VII Trước Công Nguyên (TCN), ở vủng đồng bằng ven các sông lớn thuộc bắc bộ và bắc trung bộ ngày nay, đã dần hình thành các bộ lạc lớn, có nhiều điểm chung về ngôn ngữ và phương thức sản xuất. Sản xuất ngày phát triển, mỗi bộ lạc bầu ra một người đứng đầu (tù trưởng) để quản lý.

Các bộ lạc đều muốn mở rộng quy mô sản xuất, vì thế xung đột đã xảy ra giữa các bộ lạc. Trong các bộ lạc, có bộ lạc Văn Lang (ven sông Hồng từ Ba Vì – Hà Nội cho đến Việt Trì – Phú Thọ) là một trong những bộ lạc giàu có và uy tín nhất. Thế kỉ VII TCN, Gia Ninh – Phú Thọ, được sự ủng hộ của các tù trưởng khác, tù trưởng Văn Lang đã hợp nhất các bộ lạc nhờ vào tài năng kiệt xuất. Tù trưởng Văn Lang này tự xưng là Hùng Vương và đặt tên nước là Văn Lang.

Ở đây, vì chưa hình thành đất nước nên chưa có tình yêu nước. Tuy nhiên, ta có thể thấy tình yêu nước xuất phát từ tình yêu con người. Các bộ lạc có xung đột với nhau, Hùng Vương đã đứng lên để thống nhất đất nước để muôn dân được thống nhất, muôn dân được an cư lạc nghiệp, muôn dân được thái bình cũng chỉ vì xuất phát từ tình yêu thương với con người, dân chúng.

Từ đây, nước Văn Lang được thành lập, do vua Hùng đứng đầu và trải qua 18 đời vua. Mặc dù nhà nước vẫn còn non trẻ, nhưng các vua Hùng đều ra sức xây dựng và củng cố đất nước trước giặc ngoại xâm phương Bắc. Không chỉ có vua Hùng mà toàn thể dân đất Văn Lang đều ra sức chống giặc ngoại xâm, ta có thấy được biểu hiện lòng yêu nước tiêu biểu này qua câu chuyện Thánh Gióng.

Ta có thể thấy trong truyện, mặc dù quân lực yếu không thể đương đầu với giặc Ân mạnh, tuy nhiên vì lòng yêu nước, thương dân, vua Hùng đã sai sứ giả tìm kiếm người tài. Không những thế khi tìm được Gióng, nhà vua còn đáp ứng mọi điều kiện khó mà Gióng đưa. Ngay từ những buổi đầu lập nước ta có thể thấy các vị vua đã hết mực tìm kiếm và trọng dụng nhân tài cũng chỉ vì lòng yêu nước, thương dân vô bờ bến, sợ dân chúng đói khổ, sợ dân chúng lầm than khi rơi vào tay giặc.

Ngoài ra trong truyện ta còn thấy chi tiết ai ai trong làng đều vui lòng gom góp gạo để nuôi Gióng, binh lính thì đều ra sức kéo ngựa sắt, roi sắt, giáp sắt để đem đến cho Gióng. Một không khi hừng hực sôi sục để chống giặc, ai ai cũng ra sức để chống giặc, người thì góp gạo thổi cơm, người thì ra sức hỗ trợ, ai ai cũng mang khí thế yêu nước mãnh liệt, hùng hồn. Ta có thể thấy, mặc dù chỉ là những buổi đầu dựng nước nhưng ai cũng mang trong mình một lòng yêu nước cao cả, ai ai cũng muốn chống giặc ngoại xâm, ai ai cũng muốn thái bình, hưng trị.

Trong câu chuyện, Gióng là một cậu bé dù đã 3 tuổi nhưng lại chưa biết nói, chưa biết cười, chưa biết đi. Khi nghe tin sứ giả, vua cần người đánh giặc. Cậu đã bật nói, bảo mẹ kêu sứ giả vào. Cậu đã không phụ lòng dân làng, cậu ăn mau chóng lớn. Cậu mặc giáp, cầm roi, cưỡi ngữa xông pha và dẹp loạn kẻ thù. Qua hình tượng của Gióng ta có thể thấy được quá trình hình thành và phát triển của lòng yêu nước của dân Việt. Lòng yêu nước ban đầu ngủ yên trong ta như Gióng chưa biết đi, biết nói. Khi đất nước bị lâm nguy thì lòng yêu nước bắt đầu trỗi dậy như lúc Gióng bật nói kêu mẹ mời sứ giả. Lòng yêu nước được hun đúc và tích dần như việc Gióng ăn cơm, gạo của dân làng (vì cơm, gạo chính là hình ảnh ẩn dụ của việc dân làng cũng yêu nước thể hiện bằng cách thổi cơm góp gạo cho Gióng). Khi lòng yêu đã tích đủ nó tạo nên một sức mạnh vô cùng to lớn tạo động lực cho con người đứng lên xả thân mình vì tổ quốc, giống như việc Gióng sau khi đã chuẩn bị hoàn tất, Gióng đã cưỡi ngựa phi vào kẻ thù.

Ta có thể tổng kết lại rằng, mặc dù chỉ là nhà nước đầu tiên, là những buổi đầu dựng nước nhưng từ vua quan cho đến dân chúng ngay cả trẻ con đều mang một hào khi yêu nước, ai cũng mong muốn được góp sức mình để đánh giặc.

Ngoài ra ta còn thấy được quá trình hình thành và phát triển của lòng yêu nước ngay từ những buổi đầu dựng nước của dân tộc Việt. Quá trình bắt đầu từ lòng yêu nước đang được ngủ yên trong cốt lõi của con người Việt, lòng yêu nước trỗi dậy khi đất nước bị lâm nguy, lòng yêu nước của từng người được gom lại, hun đúc lại tạo thành một làn sóng vô cùng to lớn, làn sóng này tạo thành hành động để đánh tan bất cứ kẻ xâm lược nào.

Cuối thời vua Hùng 18 do vua không chịu lo giữ nước nên đã mất nước, Thục Phán đã đánh đuổi quân Tần phương Bắc buộc vua Hùng nhường ngôi lại vào năm 207 TCN. Thục Phán xưng An Dương Vương và lập nên nhà nước Âu Lạc đóng đô ở Phong Khê (Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội).

Buổi đầu dựng nước Âu Lạc, An Dương Vương với lòng yêu nước nồng nàn đã ra sức xây dựng và phát triển đất nước. An Dương Vương cho xây dựng thế trận Cổ Loa thành, biểu tượng cho sức mạnh của dân tộc Việt, hết lần này đến lần khác khuất phục quân của Triệu Đà phương Bắc. Ngoài ra An Dương Vương cho chế ra loại nỏ một lúc bắn được nhiều mũi tên, tiêu diệt được nhiều địch hơn, kết hợp với ma trận thành Cổ Loa khiến kẻ địch phải khiếp sợ.

Nhờ lòng yêu nước, thương dân mà An Dương Vương luôn muốn phòng thủ đất nước trước kẻ thù vì thế đã tạo ra nỏ và thành Cổ Loa. Cổ Loa thành và nỏ tên là biểu tượng của sáng tạo và sức mạnh trong ý thức yêu nước bảo vệ đất nước thời Âu Lạc.

Giống thời vua Hùng có thánh Gióng, thời An Dương Vương người đời có truyền truyện An Dương Vương và Mị Châu – Trọng Thủy.

Trong truyện có một chi tiết là khi Kim Quy (rùa thần) giúp vua xây xong Cổ Loa thành, thì vua có nhã ý: “Nhờ ơn của thần, thành đã xây được. Nay nếu có giặc ngoài thì lấy gì mà chống”. Qua chi tiết này ta thấy, mặc dù chỉ mới buổi sơ khai nhưng dân ta vẫn có một lòng yêu nước tự giác thông qua việc An Dương Vương có tinh thần cảnh giác cao độ, biết lo sự an nguy của đất nước.

Tuy nhiên, do nhiều lần thắng Triệu Đà, nên An Dương Vương đã sinh lòng tự cao, không còn tinh thần cảnh giác cao độ nữa, lơ là trước kẻ thù. Vì thế mà An Dương Vương đã bị mất nước, nhân dân Việt rơi vào tay quân Triệu Đà phương Bắc thao túng. Bắt đầu chuỗi bi kịch lịch sử bị 1000 năm phong kiến phương Bắc đô hộ.

2.1.2 Chủ nghĩa yêu nước trong thời kỳ Bắc thuộc (năm 179 TCN – năm 938)

Năm 179 TCN, sau khi chiếm được Âu Lạc, nhà Hán bắt đầu việc sát nhập Âu Lạc vào Nam Việt, phân chia bộ máy lại thành các Châu, dưới mỗi Châu gồm các Quận. Trong đó Âu Lạc thành Giao Chỉ và Cửu Chân. Việc chi bộ máy này tạo nên sự thống nhất, chặt chẽ. Vì chính quyền được chia nhỏ và dễ liên lạc với nhau, việc này sẽ khiến dù cho ta có các đạo quân nổi dậy cũng dễ dàng bị tiêu diệt. Nhà Hàn thực hiện việc cải tổ nhà nước này để nhằm tiến hành chế độ cai trị lâu dài ở nước ta.

Bên cạnh âm mưu thôn tính lâu dài, nhà Hán còn vơ vét tài nguyên thiên nhiên, đàn áp, vơ vét và bóc lột tiền của, sức lao động của nhân dân ta. Nhân dân ta ngoài việc nộp thuế (đặc biệt thuế muối là nặng nhất), thì hằng năm quan lính nhà Hán bắt dân ta phải lên rừng, xuống biển tìm kiếm sản vật quý như ngà voi, sừng tê giác, ngọc trai, đồi mồi,... Ngoài ra nhà Hán còn thực hiện chính sách đồng hóa, cho người Hán vào ở chung với người Việt và bắt ta phải theo tục của người Hán.

Hiểu rõ được sự thống khổ của dân chúng cùng với một lòng yêu nước nồng nàn, hai chị em Trưng Trắc, Trưng Nhị (con gái của lạc tướng dòng dõi vùa Hùng ở đất Mê Linh, Hà Nội – Vĩnh Phúc, người đời sau còn gọi tắt là Hai Bà Trưng) cùng với Thi Sách (chồng của Trưng Trắc – con trai lạc tướng huyện Chu Diên, Đan Phượng – Từ Liêm, Hà Nội) tiến hành khởi nghĩa.

Không may nhà Hán biết được và Thi Sách bị nhà Hán sát hại.

Lòng yêu nước của Hai Bà Trưng đã lên đến đỉnh điểm cao trào. Mùa xuân năm 40 (tháng 3 dương lịch), Hai Bà Trưng dựng cờ khởi nghĩa ở Hát Môn (Hà Nội). Trước khi lên đường, Trưng Trắc đã đọc lời thề:

“Một xin rửa sạch nước thù,

Hai xin đem lại nghiệp xưa họ Hùng,

Ba kẻo oan ức lòng chồng,

Bốn xin vẹn vẹn sở công lênh này.”

(Theo Thiên Nam ngữ lục, thơ Nôm thế kỉ XVII)

Từ đây ta có thể thấy rằng Hai Bà Trưng có một lòng yêu nước nồng nàn. Hai Bà Trưng đã đặt lợi ích chung của đất nước, mưu sinh của chúng dân lên trên hết (“Một xin rửa sạch nước thù”) rồi sau đó mới tính tới lợi ích riêng của bản thân (“Hai xin..., Ba xin..., Bốn xin,...). Cái chung của quốc gia, dân tộc luôn là hàng đầu, từ lòng yêu nước nồng cháy đã biến thành động lực giúp Hai Bà Trưng có thể nổi dậy chống lại kẻ thù.

Mặc dù Hai Bà Trưng là thân phận nữ nhi, nhưng trai tráng, nghĩa binh, ngay cả những phụ nữ khác với một lòng yêu nước nồng nàn sẵn có trong tim, họ đã đi theo lá cờ của Hai Bà Trưng, tạo thành một quân đội lớn mạnh tiêu diệt kẻ thù. Với rừng người, ai cũng mang một lòng yêu nước cháy bỏng, họ đã đứng lên chiến đấu anh dũng, khiến kẻ địch phải run sợ, Tô Định, thái thú nhà Hán quận Giao Chỉ (một trong các quận mà nhà Hán đã đặt ở nước ta), phải hoảng hốt bỏ thành, cắt tóc, cạo râu lẻn trốn về Nam Hải (Quảng Đông – Trung Quốc). Các quận khác thấy thế cũng rút chạy. Hai Bà Trưng giành được chiến thắng vẻ vang.

Từ tháng 4 năm 42, nhà Hán sai Mã Viện cùng 2 vạn quân tinh nhuệ xâm lược nhằm chiếm lại chính quyền. Do không được chuẩn bị chu đáo về binh lực và thế trận, Hai Bà Trưng đã nhảy xuống sông để bảo toàn trinh tiết. Nước ta lại rơi vào tay của kẻ thù.

Mặc dù nhà Hán ra chính sách đồng hóa nhưng dân ta với một lòng yêu nước tự tôn đã không chịu khuất phục trước sự đồng hóa của kẻ thù. Nhân dân ta vẫn sử dụng tiếng nói của tổ tiên và sinh hoạt theo nếp sống, phong tục riêng như nhuộm răng, ăn trầu, làm bánh giầy, bánh chưng... Dù trải qua nhiều thế kỉ, dân ta học chữ Hán nhưng vận dụng theo cách đọc của mình.

Với một lòng yêu nước nồng nàn và có truyền thống lâu đời, nhân dân ta không cam chịu áp bức, bóc lột của các triều đại phong kiến phương Bắc. Nhân dân ta liên tục nổi dậy ở nhiều nơi.

Một trong những cuộc nổi dậy tiêu biểu đó. Có cuộc nổi dậy của Bà Triệu vào năm 248.

Bà Triệu tên là Triệu Thị Chinh, em của Trịnh Quốc Đạt là một hào trưởng ở núi Quan Yên, thuộc quận Cửu Chân (Yên Định – Thanh Hóa). Bà là người có sức mạnh và mưu trí, bà cùng anh Đạt tập hợp, chuẩn bị binh lực và vũ khí để khởi nghĩa.

Điểm tiêu biểu của bà Triệu đó chính là mặc dù có rất nhiều lời khuyên bà nên lấy chồng, nhưng bà đã khẳng khái đáp rằng:

“Tôi muốn cưỡi con gió mạnh, đạp luồng sóng dữ, chém cá kình ở biển khơi, đánh đuổi quân Ngô giành lại giang sơn, cởi ách nô lệ, đâu chịu khom lưng làm tì thiếp cho người!”.

Là phận một nữ nhi, thay vì chọn một cuộc sống bồng son, an phận thủ thường, bà Triệu lại chọn một con đường gắn liền với máu và lửa. Không phải vì bà không muốn hạnh phúc mà do thời thế không cho phép bà làm vậy. Vì bà cũng là một người con của đất Việt, bà có một lòng yêu nước cháy bỏng, chính vì lòng yêu nước đã khiến bà không thể đứng nhìn dân chúng bị phong kiến phương Bắc bóc lột, bà không thể đứng nhìn dân chúng lầm than, bà khát khao “đánh đuổi quân Ngô giành lại giang sơn, cởi ách nô lệ”, giành lại thái bình và hạnh phúc cho chúng sinh. Do đó bà “đâu chịu khom lưng làm tì thiếp cho người”, với lòng yêu nước trên tất cả, bà đã đứng lên nhằm đánh đuổi kẻ thù xâm lược.

Do kẻ thù có lực lượng vừa lớn lại vừa dùng chiêu mua chuộc, chia rẽ quân của bà Triệu. Vì thế cuộc khởi nghĩa đã bị đàn áp.

Nhờ cốt lõi dân tộc là lòng yêu nước, thay vì là yểu điệu thục nữ, ta có thể thấy một bà Triệu, một con người có khát khao cháy bỏng, một anh hùng hiên ngang trước kẻ thù. Dân ta đã ca ngợi hình ảnh vĩ đại của bà Triệu qua ca dao sau để tưởng nhớ đến bà một người vừa giỏi việc nước việc nhà, vừa lại là một con người có lòng yêu nước cao cả, là một vị anh hùng của dân tộc:

Ru con con ngủ cho lành,

Để mẹ gánh nước rửa bành con voi,

Muốn coi lên núi mà coi,

Coi bà triệu tướng cưỡi voi đánh cồng,

Túi gấm cho lẫn túi hồng,

Têm trầu cánh kiến cho chồng ra quân.

Đến thế kỉ VI, nhà Lương lên thay nắm chính quyền.

Tiêu Tư, thứ sử mới của Giao Châu, sử sách Trung Quốc phải thú nhận: “tàn bạo mất lòng dân”, đã đặt ra thêm hàng trăm thứ thuế vô lý, như: cây dâu cao một thước phải đóng thuế, bán vợ con cũng phải đóng thuế,... Vì thế đời sống của dân Việt đã khổ cực nay còn khổ cực hơn.

Lý Bí quê ở Thái Bình. Tổ tiên ông là người Trung Quốc nhưng sang nước ta lập nghiệp từ lâu. Ông được nhà Lương cho làm chỉ huy quân đội ở Đức Châu (nam Nghệ An – Hà Tĩnh). Một thời gian ngắn sau vì căm ghét sự tàn ác của nhà Lương, ông đã từ quan về quê, ngấm ngầm liên lạc với các hào kiệt để chuẩn bị khởi nghĩa.

Hiểu được lòng dân, cộng thêm Lý Bí cũng là người con đất Việt, với lòng yêu nước nồn nàn ông đã phất cờ khởi nghĩa mùa xuân năm 542 và giành độc lập vào năm 544, ông xưng Lý Nam Đế, dựng kinh đô ở Tô Lịch (Hà Nội) và đặt tên nước là Vạn Xuân.

Vạn Xuân ám chỉ một đất nước có nghìn mùa xuân, tức đất nước có nghìn mùa độc lập, dân chúng được sống ấm no, hạnh phúc như tiết trời, thiên nhiên tươi đẹp của mùa xuân. Ta có thể thấy Lý Bí có một lòng yêu nước vô cùng to lớn, lòng yêu nước đã hướng Lý Bí tới khát khao dân tộc có nghìn mùa xuân, khát khao dân tộc có nghìn năm, nghìn kiếp độc lập, tự do và hạnh phúc.

Mặc dù Lý Bí có gốc là người Trung Quốc, nhưng từ lâu ông đã sinh ra và lớn lên trên mảnh đất Việt. Ta có thể thấy rằng ở đây dù gốc gác có khác biệt nhưng hễ là người con của đất Việt thì luôn mang trong mình một lòng yêu nước, đồng bào nồng nàn.

Không lâu sau, vua Lương cử Dương Phiêu sang xâm lược, Lý Nam Đế cự không nổi, phải lui về hồ Điển Triệt (Lập Thạch, Vĩnh Phúc), sau cùng lui về Khuất Lão (Tam Nông, Phú Thọ) và mất tại đó vào năm 548.

Sau đó Triệu Quang Phục vâng mệnh của Lý Nam Đế trước khi băng hà lên lãnh đạo đội quân, đánh đuổi giặc Lương. Ông xưng Triệu Việt Vương, tổ chức lại chính quyền. 20 năm sau, Lý Phật Tử kéo quân cướp ngôi. Năm 603, mười vạn quân Tùy tấn công, Lý Phật Tử bị bắt, nước ta một lần nữa rơi vào tay của kẻ thù.

Hết nhà Tùy đến nhà Đường, các triều đại phong kiến phương nối tiếp nhau đô hộ nước ta với hàng loạt thứ thuế, chính sách tàn ác, áp bức, bóc lột, vơ vét vô cùng nặng nề.

Dù thế nhưng dân ta vẫn mang trong một lòng yêu nước nồng nàn, không khuất phục trước kẻ thù. Liên tiếp các cuộc khởi nghĩa nổ ra để giành lại đất nước: Mai Thúc Loan (những năm 10 đầu thế kỉ VIII), Phùng Hưng (khoảng năm 776 – 791),...

Đến cuối thế kỉ IX, nhờ tài năng kiệt xuất, Khúc Thừa Dụ (quê Hồng Châu (Ninh Giang, Hải Dương)) giành được quyền tự chủ thông qua chức Tiết độ sứ, nắm giữ và cai quản nhiều châu và quận.

Nhà họ Khúc với lòng yêu nước, thương dân nên đã xây dựng một đất nước tự chủ theo đường lối: “Chính sự cốt chuộng khoan dung, giản dị, nhân dân được yên vui”, xem xét và định lại mức thuế, bãi bỏ các thứ lao dịch của Bắc thuộc,...

Năm 930, quân Nam Hán sang đánh nước ta, họ Khúc đỡ không nổi, bị bắt đem về Quảng Châu. Năm 931, Dương Đình Nghệ (quê ở làng Giàng (Thiệu Dương, Thiệu Hóa, Thanh Hóa)) đã đem quân nôi dậy giành lại đất nước. Quân Nam Hán rút quân về nước xin yêm trợ. Dương Đình Nghệ một lần nữa với một lòng yêu nước nồng nàn đã đánh đuổi được quân tiếp viện của giặc. Ông xưng tiết độ sứ và tiếp tục duy trì nền tự chủ trước đây.

Năm 937, Dương Đình Nghệ bị viên tướng Kiều Công Tiễn phản bội giết chết.

Ngô Quyền (quê Sơn Tây, Hà Nội – tướng giỏi dưới trướng Dương Đình Nghệ) nghe tin liền đem quân đến dẹp loạn.

Kiều Công Tiễn biết được, vội vã sang cầu cứu Nam Hán. Lợi dụng thời cơ, vua Nam Hán tính xâm lược nước ta lần nữa.

Năm 938, vua Nam Hán và con mình Lưu Hoằng Tháo chuẩn bị thủy quân để xâm lược nước ta.

Biết được quân Nam Hán sẽ tiến đánh theo sông Bạch Đằng, Ngô Quyền với tài trí thông minh, sáng tạo đã lợi dụng thủy triều của sông Bạch Đằng ra lệnh cho dân đóng cọc phòng thủ.

Với chiến lược vừa câu giờ, vừa đánh, vừa dụ, quân Nam Hán bị đánh tơi tả, rơi vào lưới cọc, thuyền bè tan nát, lửa khói ngút trời, máu đổ khôn xiết. Hay tin con mình bị giết, quân đội bị thất trận, vua Nam Hán liền hốt hoảng, vội vã rút quân về nước.

Sau chiến thắng vẻ vang Bạch Đằng, năm 939 Ngô Quyên từ bỏ tiết độ sứ, lên thẳng ngôi vua khẳng định chủ quyền của dân tộc, chọn Cổ Loa làm kinh đô.

Chiến thắng Bạch Đằng là 1 chiến thắng vĩ đại của dân tộc. Là biểu tượng cao nhất của lòng yêu nước của dân ta sau hơn 1000 năm bị phong kiến phương Bắc đô hộ cuối cùng lòng yêu nước, sự chính nghĩa đã chiến thắng. Kết thúc áp bức, bóc lột của kẻ thù. Mở ra một kỉ nguyên mới cho dân tộc, một kỉ nguyên của độc lập, tự chủ.

Chiến thắng Bạch Đằng còn cho thấy lòng yêu nước không chỉ là sự kiên trì trong kháng chiến chống quân xâm lược mà còn là sự sáng tạo, tìm tòi nhằm giúp đưa đất nước thoát khỏi ách đô hộ.

2.1.3 Chủ nghĩa yêu nước trong thời kỳ phong kiến Việt Nam (năm 938 – năm 1884)

Sau khi Ngô Quyền mất năm 944, hai con ông là Ngô Xương Ngập và Ngô Xương Văn không đủ uy tín và sức mạnh để duy trì đất nước. Đất nước sau đó bị chia rẽ bởi 12 sứ quân.

Chủ nghĩa yêu nước thời nay vẫn là yêu nước, thương dân là chính, lấy sự an nguy của bá tánh, sự thái bình của dân tộc làm gốc. Đinh Bộ Lĩnh (quê ở Hoa Lư – Ninh Bình) được sử ủng hộ của nhân dân, lại là người có tài, đã dẹp yên được 12 sứ quân. Năm 968, Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi xưng Đinh Tiên Hoàng, đặt tên nước là Đại Cồ Việt (nước Việt lớn), đóng đô tại Hoa Lư.

Cuối năm 979, do lục đục biến cố của triều Đinh, Đinh Tiên Hoàng và Đinh Liễn bị ám sát. Vua mới còn nhỏ, Lê hoàn được nhân dân và hoàng hậu trọng dụng, tôn lên làm vua xưng Lê Đại Hành, đổi niên hiệu là Thiên Phúc, lập nên nhà Lê (sử cũ gọi là Tiền Lê).

Đầu năm 981, quân Tống do Hầu Nhân Bảo chỉ huy theo đường thủy, bộ tiến vào nước ta.

Đường thủy, Lê Đại Hành cho quân đóng cọc trên sông Bạch Đằng, quân Tống bị đánh tan tác. Đường bộ, quân ta đánh quyết liệt, tiêu diệt được Hầu Nhân Bảo.

Cuộc kháng chiến chống quân Tống giành thắng lợi. Đây là cuộc kháng chiến chống ngoại xâm của chính quyền độc lập còn non trẻ. Lòng yêu nước biểu thị thông qua việc duy trì và phát huy tính sáng tạo của các bậc anh hùng đi trước (đặc biệt là kế thừa ý chí của Ngô Quyền). Ngoài ra, lòng yêu nước ở đây đã phát triển thành một sức mạnh tự lực, tự cường, chứng tỏ một bước phát triển của đất nước trong xây dựng và bảo vệ nền độc lập của dân tộc.

Sau đó Lê Hoàn giao trả tù bình và quan hệ bình thường với Trung Quốc. Một lần nữa lòng yêu nước của dân ta có thể thấy được qua sự sáng tạo trong mối quan hệ ngoại giao, hữu nghị của Lê Hoàn. Mối quan hệ ngoại giao này không phải là sự nhún nhường mà là một mối quan hệ ngoại giao hữu nghị để bảo vệ cho nền thái bình của dân tộc.

Năm 1005, Lê Đại Hành mất, Lê Long Đĩnh lên ngôi. Cuối năm 1009, Lê Long Đĩnh mất. Quan thần chán ghét nhà Tiền Lê, vì thế đã tôn Lý Công Uẩn lên ngôi vua.

Năm 1010, Lý Công Uẩn lên ngôi đặt niên hiệu là Thuận Tiên, quyết dời đô về Đại La (Hà Nội), đổi tên thành Thăng Long. Ý định của bậc hiền nhân được nêu rõ trong “chiếu dời đô” (Đại Việt sử kí toàn thư) của Lý Công Uẩn:

“...Thành Đại La, đô cũ của Cao Vương (tức Cao Biển), ở giữa khu vực trời đất, được thế rồng cuộn hổ ngồi, chính giữa Nam Bắc Đông Tây, tiện nghi núi sông sau trước. Vùng này mặt đất rộng mà phẳng, thế đất cao mà sáng sủa, dân cư không khổ thấp trũng tối tăm, muôn vật hết sức tươi tốt phồn thịnh. Xem khắp đất Việt đó là nơi thắng địa, thực là chỗ tụ hội quan yếu của bốn phương. Đúng là nơi thượng đô kinh sư mãi muôn đời”

Ta thấy được một lần nữa lòng yêu nước của các bậc hiền nhân đó chính là lo lắng về tương lai của đất nước, lo lắng tương lai của dân chúng. Các bậc hiền nhân luôn khát khao đất nước “mãi muôn đời” được phồn thịnh, dân chúng “không khổ thấp trũng tối tăm”, nhân dân được hạnh phúc, xã tắc được thái bình.

Năm 1054, nhà Lý đổi tên nước thành Đại Việt.

Lý Thánh Tông với lòng yêu nước, mong muốn đất nước được phát triển, để phát triển đất nước cốt lõi cần có người hiền về tài đức. Năm 1070, Lý Thánh Tông cho lập Văn Miếu Quốc Tử Giám. Năm 1075, khoa thi quốc gia đầu tiên được tổ chức. Từ đây các triều đại phong kiến Việt Nam đã biết đề cao giáo dục, nuôi dưỡng và trọng dụng người tài đức.

Từ giữa thế kỉ XI, nhà Tống đang suy yếu muốn mượn cớ xâm lược nước ta để giải quyết.

Vua tôi nhà Lý sớm phát hiện được âm mưu của kẻ thù, đã cử Lý Thường Kiệt làm chỉ huy để chống quân Tống. Sau khi chuẩn bị kĩ càng, tháng 10/1075, Lý Thường Kiệt cùng Tông Đản chỉ huy 10 vạn quân thủy, bộ đánh vào đất Tống. Lý Thường Kiệt cho phá hủy kho lương, kho tàng của địch. Sau đó Lý Thường Kiệt đánh chiếm Ung Châu, căn cứ quân của nhà Tống, tiêu diệt lượng lớn quân địch, tướng địch Tô Giám phải tự tử. Sau khi đạt được mục tiêu, Lý Thường Kiệt cho rút quân về nước.

Một lần nữa ta thấy được lòng yêu nước đã tạo nên sức mạnh cho sự sáng tạo và chính nghĩa thông qua hành động này của Lý Thường Kiệt. Sự sáng tạo của lòng yêu nước ở đây đó chính là đánh trước nhằm để giảm sức mạnh của kẻ thù để khiến dân ta có thể chống cự được về sau. Còn sự chính nghĩa của lòng yêu nước ở đây đó chính là ta đánh nhà Tống là để giảm sức mạnh xâm của nhà Tống dùng cho việc xâm lược nước ta, chứ không phải là ta đem quân để xâm lược nước khác.

Sau khi về nước, Lý Thường Kiệt tiếp tục chuẩn bị, bày binh bố trận ở những nơi trọng yêu, xây dựng phòng tuyến trên sông Như Nguyệt. Cuối năm 1076, nhà Tống phái 1 vạn ngựa chiến và 20 vạn dân phu do Quách Quỳ, Triệu Tiết tiến vào nước ta.

Để khích lệ tinh thần quân sĩ, đêm đêm Lý Thường Kiệt cho người vào một ngôi đền trên bờ sông ngâm vang bài thơ bất hủ:

“Nam quốc sơn hà nam đế cư,

Tiệt nhiên định phận tại thiên thư.

Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm,

Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.”

Với lòng yêu nước mãnh liệt, qua bài thơ Lý Thường Kiệt muốn tuyên bố khẳng định với kẻ thù, “Nam quốc sơn hà” ta là một nước độc tập, tự chủ, do “nam đế cư” và cai trị, đó là điều lẽ hiển nhiên của “sách trời”. Một khi kẻ địch đến “xâm phạm” dân ta với lòng yêu nước cháy bỏng sẽ tạo ra sức mạnh để đánh ta bất cứ kẻ thù, dù cho chúng có lớn mạnh như thế nào đi chăng nữa.

Đầu năm 1077, Lý Thường Kiệt đánh và tiêu diệt phần lớn sinh lực địch. Lý Thường Kiệt chủ động giảng hòa, Quách Quỳ đồng ý và rút quân về nước. Cuộc đấu tranh chống quân Tống giành thắng lợi.

Cuối thời, nhà Lý suy tàn không chịu canh tân đất nước. Đầu năm 1226, Lý Chiêu Hoàng buộc nhường ngôi cho Trần Cảnh, mở ra triều đại nhà Trần ở nước ta.

Đầu thế kỉ XIII, Mông Cổ được thành lập. Mông Cổ đi xâm chiếm nhiều nơi ở Châu Á và Châu Âu. Quân Mông Cổ đến mức được truyền nhau rằng: “Vó ngựa quân Mông Cổ đi đến đâu cỏ không mọc được đến đó”, là một quân đội thiện chiến và tàn ác.

Khi hay tin quân Mông – Nguyên, chuẩn bị sang xâm lược nước vua tôi nhà Trần rất lo, vì thế đã tiến hành cho quân dân chuẩn bị.

Tháng 1/1258, 3 vạn quân Mông Cổ do Ngột Lương Hợp Thai đánh vào nước ta. Dân ta thể hiện lòng yêu nước, một lòng đoàn kết hợp tác với triều đình thực hiện kế sách sáng tạo “vườn không nhà trống”, rút quân khỏi kinh đô, đợi địch suy yếu, quân ta đánh lại, ngày 29/1/1258, quân Mông Cổ phải rời khỏi Thăng Long. Cuộc kháng chiến dành thắng lợi.

Từ năm 1283, quân Mông – Nguyên đã chuẩn bị và tiến hành xâm lược nước ta lần thứ 2.

Vua Trần triệu tập hội nghị vương hầu, quan lại ở Bình Than (Chí Linh, Hải Dương) để bàn kế đánh giặc. Trần Quốc Toản vì tuổi còn nhỏ nên không được dự nghị, Trần Quốc Toản tức giận đến nỗi bóp nát quả cam trong tay. Về nhà, Trần Quốc Toản huy động hơn 1000 người, luyện binh khí, đóng thuyền và may lá cờ thêu 6 chữ vàng “Phá cường địch, báo hoàng ân”.

Ta có thể thấy mặc dù chỉ là thanh thiếu niên trai tráng, nhưng Trần Quốc Toản có một lòng yêu nước vô cùng mãnh liệt, cháy bỏng đến nỗi tay không bóp nổi qua cam cứng trong tay. Không như thế chính vì lòng yêu nước đang sôi sục đã dẫn tới hành động bộc phát của Trần Quốc Toản đó chính là huy động quân đội, nhằm góp phần và hỗ trợ vua tôi nhà Trần “Phá cường địch”.

Đầu năm 1285, vua Trần cho mở hội nghị Diên Hồng mời các bậc phụ lão uy tín của cả nước về Thăng Long để bàn cách đánh giặc. Khi vua Trần hỏi kế đánh giặc, các bô lão mặc dù đã có tuổi nhưng lòng yêu nước vẫn luôn còn bùng cháy mãnh liệt như từ thuở ban đầu, người người hào khí yêu nước cao ngút trời, đồng loạt đồng thanh nói đánh, muôn người cùng lời như một, muôn nghìn trái tim hòa vào làm một với nhịp đập là lòng yêu nước cháy bỏng.

Để khích lệ quân đội, Trần Quốc Tuấn (Trần Hưng Đạo) đã soạn Hịch tướng sĩ, trong đó có đoạn trích nổi bật sau:

“...Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối; ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa, chỉ căm tức rằng chưa xả thịt lột da, nuốt gan uống máu quân thù. Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa ta cũng vui lòng.”.

Ta có thấy, ôi một lòng yêu nước vô cùng mãnh liệt, lòng yêu nước đã đặt lên trên tất cả, lòng yêu nước chan chứa đến nỗi ăn không nổi, ngủ không yên, chỉ có mong sao nước nhà được vẹn toàn, dân chúng được ấm no, thái bình. Vì lòng yêu nước mà Trần Hưng Đạo quyết đem tất cả, “Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa”, Trần Hưng Đạo vẫn vui lòng cống hiến, xả thân mình vì tổ quốc.

Cũng nhờ thế, tinh thần binh lính lại càng sôi sục, hào khí yêu nước giờ đây của vua tôi, quan lại, dân chúng cao ngút trời. Tất cả trái tim hòa làm một, sẵn sàng bảo vệ và nghênh chiến trước kẻ thù hùng mạnh.

Cuối tháng 1/1285, 50 vạn quân Nguyên do Thoát Hoan chỉ huy xâm lược lần 2 vào Đại Việt. Ban đầu thế giặc mạnh, vua tôi nhà Trần thất thế, vua Trần bỏ cả ăn đến gặp Trần Quốc Tuấn: “thế giặc mạnh, giết hại nhân dân tàn bảo, có nên hàng giặc không”. Tuy nhiên, dù có trong hoàn cảnh khó khăn nhưng một khi đã có lòng yêu nước chảy bỏng, lòng yêu nước vẫn luôn là kim chỉ nam, là sức mạnh, Trần Quốc Tuấn đã trả lời: “Nếu bệ hạ muốn hàng giặc thì trước hãy chém đầu thần rồi hãy hàng”.

Trên bộ, ta cô lập địch bằng kế sách sáng tạo “vườn không nhà trống”, chỉ đánh những nơi hiểm yếu của địch tránh những nơi có chỗ địch mạnh, phương Nam ta chủ động đánh chặn quân Toa Đô ở Chăm Pa tiến đánh lên. Khiến địch rơi vào thế bị động, tổn thất nhiều, Thoát Hoan bèn cho quân rút lên Vạn Kiếp để rút quân theo đường thủy về nước.

Lần nữa duy trì, tiếp thu tính sáng tạo của đời trước, quân ta lại cho đóng cọc trên sông Bạch Đằng, quân ta đã chặn đánh được đường rút lui của địch. Quân Mông – Nguyên lại thất trận nặng nề một lần nữa. Quân ta giành được thắng lợi vẻ vang, bảo vệ được nền độc lập trước kẻ thù hùng mạnh.

Với nỗi ô nhục sau khi thất bại hai lần trước quân ta, quân Mông – Nguyên quyết chiếm nước ta một lần nữa vào năm 1287 – 1288. Bằng chiến lược mưu trí, sáng tạo quân ta đánh bại được quân Mông – Nguyên. Và một lần nữa trận Bạch Đằng lại là biểu tượng chói lọi về lòng yêu nước kiên cường, bất khuất.

Dưới sự lãnh đạo tài tình cùng với lòng yêu nươc vô bờ bến của vua tôi nhà Trần, lòng yêu nước mãnh liệt của các tướng quân, và quần chúng nhân dân từ già cho đến trẻ, từ nam giới cho đến nữ giới mà trong 30 năm (1258, 1285, 1287 – 1288), lòng yêu nước đã tạo nên một sức mạnh to lớn tạo thành động lực giúp dân ta đánh đuổi được giặc quân Mông – Nguyên hùng mạnh, trở thành nước đầu tiên đánh đuổi được quân Mông, là biểu tượng của sức mạnh và ý chí cho các nước khác noi theo.

Nhà Trần suy yếu, nhà Hồ lên thay, Hồ Quý Ly lên thay tiến hành các cải cách một loạt các chính sách nhân đạo.

Tháng 11/1406, lấy cớ nhà Hồ cướp ngôi, nhà Minh huy động lượng lớn 20 vạn quân tiến vào nước ta do Trương Phụ cầm đầu. Nhà Hồ thất thủ, nước ta lại rơi vào ách cai trị của phong kiến phương Bắc.

Sự tàn ác của kẻ thù bao đời nay là không đổi, Lê Lợi đã lãnh đạo đội quân khởi nghĩa ở Lam Sơn (Thanh Hóa) vào năm 1418, nhờ có lòng yêu nước mãnh liệt, quân dân ta đã dồn địch vào thế bị động, chờ quân tiếp viện. Đầu tháng 10/1427, 15 vạn quân Minh viện trợ kéo vào nước ta, quân ta đã dành chiến thắng lẫy lừng ở trận Chi Lăng – Xương Giang. Quân Minh rơi vào thế cùng quân, tuy nhiên dân ta luôn có truyền thống nhân ái, nghĩa hiệp đã cấp ngựa, thuyền cho chúng về nước.

Lòng yêu nước của quân và dân ta được Nguyễn Trãi tôn trong Bình Ngô đại cáo rằng:

“...Đem đại nghĩa để thắng hung tàn,

Lấy chí nhân để thay cường bạo...”

Lòng yêu nước đã giúp ta đẩy lùi được biết bao kẻ địch, tuy nhiên lòng yêu nước của ta còn là lòng yêu thương con người, chính nghĩa. Ta không thể vì lòng căm phẫn mà giết hại tàn sát kẻ thù như cách mà chúng đã làm với nước ta. Ta đã thể hiện sự thiện chí khi cho chúng một đường lui.

Về sau nhà Lê Sơ suy yếu, Mạc Đăng Dung đứng lên và lập nên nhà Mạc.

Năm 1533, Nguyễn Kim chạy vào Thanh Hóa lấy cớ “phù lê diệt Mạc” lập ra Nam Triều (Đàng Trong), phía Bắc do nhà Mạc gọi là Bắc Triều (Đàng Ngoài). Hai bên chiến đấu liên miên trong 50 năm, đến năm 1592, Nam Triều chiếm được Thăng Long, Nam – Bắc Triều kết thúc.

Không lâu sau từ năm 1627 – 1672, xảy ra mâu thuẫn giữa 2 nhà Trịnh – Nguyễn.

Chiến tranh xảy ra liên miên, hết chiến tranh này đến chiến tranh khác, dân chúng đói khổ, lầm than, ảnh hưởng đến phát triển của đất nước. Chưa kể giai đoạn này những người làm ăn được từ ruộng lúa, nông nghiệp, thương mại,... trở thành các địa chủ, cường hào. Nhưng bọn này vô cùng tàn ác, ra sức bóc lột sức lao động của nhân dân, vì thế đời sống của nhân dân càng trở nên túng quẫn.

Hiểu được lầm than của dân chúng, cộng với một lòng yêu nước nồng nàn, mong sao đất nước đất nước được thống nhất, xã tắc được thái bình, mùa xuân năm 1771, Nguyễn Huệ cùng 2 anh em Nguyễn Nhạc và Nguyễn Lữ dẹp loạn 2 nhà Trịnh – Nguyễn. Nhà Nguyễn bị lật đổ đầu tiên.

Sau nhiều lần thất bại, Nguyễn Ánh sang cầu cứu vua Xiêm. Nguyễn Huệ đánh đuổi quân Xiêm ở trận Rạch Gầm – Xoài Mút năm 1785. Ngày 21/7/1786, Nguyễn Huệ đánh vào Thăng Long dẹp được chúa Trịnh. Lê Chiêu Thống rơi vào thế cùng kiệt, cầu cứu nhà Thanh. Cuối năm 1788, nhà Thanh cử Tôn Sĩ Nghị đem 29 vạn quân tiến vào nước ta.

Nhận được tin dữ, tháng 12/1788, Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng đế xưng Quang Trung, lập tức tiến quân ra bắc.

Quyết tâm của Quang Trung được thể hiện qua bài thơ sau:

“Đánh cho để dài tóc,

Đánh cho để đen răng,

Đánh cho nó chích luân bất phản,

Đánh cho nó phiến giáp bất hoàn,

Đánh cho sử trị Nam quốc anh hùng chi hữu chủ”.

Bài thơ như thể hiện lòng yêu nước quán triệt của Quang Trung, đã đánh thì phải đánh cho triệt để, đã đánh thì phải đánh cho kẻ địch khiếp sợ, đã đánh thì phải đánh cho kẻ địch từ bỏ mộng xâm lăng.

Sáng mồng 5 tết Kỉ Dậu, Quang Trung giành chiến thắng vang dội ở Ngọc Hồi – Đống Đa. Trưa cùng ngày, Quang Trung đánh vào Thăng Long.

Cuối cùng nhờ có lòng yêu nước vô biên mà Quang Trung đã dẹp được nhà Nguyễn, đánh đuổi được quân Xiêm, dẹp yên nhà Trịnh, đánh tan nhà Thanh và đánh bay nhà Lê. Nhân dân vui mừng khôn siết:

“Mây tạnh mù tan trời lại sáng

Đầy thành già trẻ mặt như hoa

Chung vai sát cánh cùng nhau nói.

Cố đô vẫn thuộc núi sông ta”

(Ngô Ngọc Du)

Quan Trung mất, lợi dụng Tây Sơn suy yếu, Nguyễn Ánh đem quân đánh nhà Tây Sơn. Năm 1802, Nguyễn Ánh lên ngôi xưng Gia Long, chọn Phú Xuân (Huế) làm kinh đô, lập ra nhà Nguyễn.

Đến năm 1858, quân Pháp nổ súng xâm lược nước ta. Với lòng yêu nước nồng nàn, quan, dân, ở khắp các tỉnh từ bắc tới nam đã chiến đấu anh dũng với kẻ thù. Tuy nhiên, do quân đội Pháp có vũ khí tiên tiến, hiện đại nên vào ngày 6/6/1884, triều đình Nguyễn buộc phải ký hiệp định Pa-tơ-nốt, chịu sự bảo hộ của Pháp, chấm dứt sự tồn tại của triều đình nhà Nguyễn với tư cách là một quốc gia độc lập, thay vào đó là chế độ thực dân nửa phong kiến.

Dù cho thời thế thay đổi, lúc thịnh, lúc suy, nhưng sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước trên một nền kinh tế tự chủ và một nền văn hóa lưu truyền các giá trị tổ tiên, vừa đổi mới ngang tầm với thời đại là trách nhiệm của toàn dân. Ý thức được điều đó từ lòng yêu nước nồng nàn mà dân ta đã không ngừng cần cù, nâng cao phát triển đời sống lao động, sáng tạo, canh tân và gia tăng sản xuất trong nông nghiệp, kinh tế, thương mại, y tế, giáo dục; không ngừng kế thừa và phát huy văn hóa, nghệ thuật. Tạo nên một nền văn hóa vừa mang nhiều màu sắc, có tính truyền thống lâu đời, vừa có nét hiện đại đương thời.

2.1.4 Chủ nghĩa yêu nước trong thời kỳ chống thực dân, phát xít, đế quốc xâm lược (năm 1884 – năm 1975)

Ngày 13/7/1885, Tôn Thất Thuyết lấy danh vua Hàm Nghi ra chiếu Cần Vương, kêu gọi văn thân, sĩ phu và nhân dân cả nước đứng lên vì vua kháng chiến. Thấy đất nước đang lâm nguy ai ai cũng sục sôi lòng yêu nước, mong muốn đứng lên đánh đuổi quân Pháp. Từ đây phong trào Cần Vương bùng nổ. Cả nước khí thể nổi dậy, như khởi nghĩa Bãi Sậy (1883 – 1892) do Nguyễn Thiện Thuật chỉ huy, khởi nghĩa Ba Đình (1886 – 1887), khởi nghĩa Hương Khê (1885 – 1896) của Phan Đình Phùng, khởi nghĩa Yên Thế (1884 – 1913) của Hoàng Hoa Thám. Mặc dù có lòng yêu nước cháy bỏng nhưng do thiếu đường lối lãnh đạo đúng đắn cộng thêm xảy ra mâu thuẫn trong nội bộ mà các phong trào này mau chóng bị đàn áp và dẹp tắt.

Từ đây các nhà cách mạng mang trong mình một lòng yêu nước cao cả, dấn thân mình, hi sinh bản thân để đi tìm con đường cứu nước, giải phóng cho dân tộc.

Phan Bội Châu cùng với hội Duy Tân cử thanh niên sang Nhật học tập, tuy nhiên Nhật Bản cấu kết với Pháp đuổi các du học sinh về nước. Phong trào Đông du tan rã. Tháng 6/1912, Phan Bội Châu lập Việt Nam Quang phục hội, với tôn chỉ “đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục nước Việt Nam, thành lập Cộng hòa Dân quốc Việt Nam. Hoạt động của hội chủ yếu giống với khởi nghĩa Yên Thế đó là trừ khử những tên đầu sỏ, kể cả toàn quyền Đông Dương. Tuy nhiên ngày 24/12/1913, Phan Bội Châu bị bắt, cách mạng Việt Nam trở lại khó khăn.

Phan Châu Trinh, từ năm 1906, cùng với các nhân sĩ khác mở cuộc vận động Duy tân ở Trung Kì. Chủ trương hoạt động chủ yếu dựa trên các chính sách cải cách ôn hòa về kinh tế, văn hóa – xã hội như chấn hưng lập nghiệp, lập các hội buôn, hội kinh doanh,... Ngoài ra còn đề cập vấn đề dạy học theo lối mới (dạy các môn học mới, dạy chữ quốc ngữ,...), vận động cải cách trang phục, lối sống,... Tuy nhiên phong trào bị thực dân Pháp đàn áp, Phan Châu Trinh bị 3 năm tù Côn Đảo. Về sau, năm 1911, ông được Pháp cử sang Paris. Những năm tháng này, ông vẫn theo đường lối cải cách, kêu gọi thực hiện dân quyền, dân sinh.

Các phong trào mới của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh chưa thật sự thất bại nhưng rất khó là con đường giải phóng dân tộc. Lòng yêu nước cháy bỏng đã khiến các nhà hoạt động cách mạng ở Việt Nam có những bước chuyển mình trong hoạt động, tuy nhiên con đường cứu nước này vẫn chưa phù hợp với bối cảnh khách quan và tình hình chủ quan của thực tại, vì thế các nhà cách mạng Việt Nam vẫn phải đi tìm thêm con đường đúng đắn để giải phóng dân tộc.

Nguyễn Sinh Cung sinh ngày 19/5/1890, tại xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Cha của Người là Nguyễn Sinh Sắc, mẹ là Hoàng Thị Loan, sinh ra trong một trong gia đình trí thức yêu nước, lớn lên ở một miền quê có truyền thống đấu tranh quật khởi, từ rất sớm Nguyễn Sinh Cung đã có chí đánh đuổi thực dân Pháp, giải phóng đồng bào. Người rất khâm phục Phan Đình Phùng, Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh nhưng không tán thành với con đường cứu quốc của họ nên mong muốn đi tìm con đường cứu nước riêng của mình.

Với lòng yêu nước khát khao cháy bỏng trong tim, người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành (lúc nhỏ là Nguyễn Sinh Cung) vào ngày 5/6/1911 đã rời bến cảng Nhà Rồng, đi tìm con đường cứu nước ở phương Tây và các vùng đất mới.

Ngày 18/6/1919, Nguyễn Ái Quốc (lúc ra đi tìm đường cứu nước là Nguyễn Tất Thành) đã gửi tới Hội nghị Vécxai bản “Yêu sách của nhân dân An Nam”, đòi chính phủ Pháp và các nước đồng minh chấp nhận quyền tự do, dân chủ, bình đẳng và tự quyết của dân tộc Việt Nam.

Như vết xe đổ của các nhà cách mạng khác, bản yêu sách của Người không được chấp nhận, từ đây đã giúp thay đổi tư duy của Người trong việc đi tìm đường cứu nước của mình đó là “muốn được giải phóng, các dân tộc chỉ có thể trông cậy vào lực lượng của bản thân mình”.

Giữa năm 1920, Nguyễn Ái Quốc đọc bản “Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa” của V. I. Len6in đăng trên báo Đảng Xã hội Pháp, Luận cương như soi sáng chân lý cho lòng yêu nước của Nguyễn Ái Quốc, từ đây Nguyễn Ái Quốc đã tìm ra con đường cứu nước của riêng mình.

Tháng 2/1925, lập ra Cộng sản đoàn. Tháng 6/1925, lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên nhằm tổ chức và lãnh đạo quần chúng đoàn kết, đấu tranh đánh đổ kẻ thù để tự cứu lấy mình. Cơ quan ngôn luận là báo Thanh niên ra số đầu tiên vào ngày 21/6/1925. Năm 1927, tác phẩm Đường Kách mệnh gồm những bài giảng của Nguyễn Ái Quốc được xuất bản.

Trong nước, nhân dân bắt đầu hưởng ứng theo lý tưởng cộng sản của Người, nhiều tổ chức cộng sản được thành lập. Tuy nhiên việc đoàn kết là tất yếu, một tổ chức đoàn kết, hợp tác thống nhất chặt chẽ sẽ hoạt động hiệu quả hơn nhiều tổ chức. Vì thế, với cương vị là phái viên của Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc bắt đầu hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản từ ngày 6/1/1930.

Hội nghị đã thảo luận và nhất trí thống nhất thành 1 đảng duy nhất lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam, thông qua Chính cương vắn tắt, Sách lượt vắn tắt,... do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo. Trong hội nghị, Nguyễn Ái Quốc đã giới thiệu cương lĩnh đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam do mình soạn thảo. Ngày 24/2/1930, Đông Dương Cộng sản Liên Đoàn, tổ chức cộng sản riêng lẻ cuối cùng, hợp nhất và gia nhập vào Đảng Cộng sản Việt Nam. Từ đây lòng yêu nước đã hòa vào làm một, hình thành một sức mạng to lớn tiềm tàng để đánh đuổi kẻ thù. Tháng 9/1960, Đại hội đại biểu toàn quốc lần III quyết định lấy ngày 3/2 làm ngày kỉ niệm thành lập Đảng.

Đảng ra đời là sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác – Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước ở Việt Nam trong thời đại mới. Việc thành lập Đảng là một bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử Việt Nam. Từ đây, cách mạng giải phóng dân tộc của nhân dân ta đặt dưới sự lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam, một đảng có đường lối khoa học, sáng tạo, có tổ chức chặt chẽ, có đội ngũ cán bộ kiên trung, nguyện suốt đời hi sinh cho Đảng, cho nhân dân.

Việc ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là biểu tượng đỉnh cao của lòng yêu nước tự giác và cao cả của dân tộc Việt Nam. Từ đây lòng yêu nước có chỗ vững để hun đút, có chỗ vững để tạo nên sức mạnh chuyển hóa thành hành động đúng đắn để đẩy lùi kẻ thù.

Từ ngày 27 đến ngày 31/3/1935, Đại hội đại biểu lần thứ I của Đảng họp tại Trung Quốc. Đại hội đã thống nhất các nhiệm vụ đó là: củng cố và phát triển Đảng, tranh thủ quần chúng rộng rãi, chống chiến tranh đế quốc. Đại hội bầu ra Ban chấp hành Trung ương gồm 13 người do Lê Hồng Phong làm tổng bí thư. Đại hội đại biểu lần I đánh dấu một cột mốc quan trọng: Đảng đã khôi phục được hệ thống tổ chức từ trung ương đến địa phương, cũng như khôi phục được các tổ chức quần chúng.

Ngày 28/1/1941, Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng.

Ngày 9/3/1945, Phát xít Nhật đảo chính Pháp, trong khi lực lượng phát xít Đức và Ý đang thất trận. Ngày 9/8/1945, Mĩ ném 2 quả bom nguyên tử xuống Nhật. Giữa trưa ngày 15/8/1945, Nhật Hoàng tuyên bố đầu hàng. Đây là cơ hội ngàn vàng để cách mạng Việt Nam không những dành lại được chính quyền mà còn có thể tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.

Vận dụng chỉ thị “Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”, khởi nghĩa đã diễn ra đồng loạt ở nhiều nơi, nhiều nơi dành được chính quyền. Ngày 19/8/1945, Hà Nội được giải phóng. Tại Nam Kì các xứ ủy ở Sài Gòn và các tỉnh khởi nghĩa vào ngày 25/8/1945, riêng trong này 25/8/1945 dân ta đã giải phóng được Sài Gòn. Với 3 thành phố lớn giành độc lập, tỉnh muộn nhất cũng đã được giải phóng vào ngày 28/8/1945.

Chỉ trong vòng nửa tháng với hào khí yêu nước cao ngút trời của mọi người con Việt, dân ta đã tổng khởi nghĩa thành công. Ngày 30/8/1945, vua Bảo Đại thoái vị, chế độ phong kiến cuối cùng ở Việt Nam hoàn toàn bị sụp đổ, mở ra con đường phát triển mới cho Việt Nam.

Ngày 2/9/1945, Hồ Chí Minh đã đọc tuyên ngôn độc lập khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ở quảng trường Ba Đình – Hà Nội khẳng định: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy.”.

Một trong những nguyên nhân chủ quan dẫn đến thắng lợi của của cách mạng tháng 8/1945 đó là dân tộc ta vốn có truyền thống yêu nước nồng nàn, từng trải qua những cuộc đấu tranh kiên cường, bất khuất cho độc lập tự do. Vì vậy, khi Đảng Cộng sản Đông Dương và Mặt trận Việt Minh phất cao ngọn cờ cứu nước thì toàn dân nhất tề đứng lên cứu nước, cứu nhà.

Sau khi độc lập, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa gặp khó khăn về nhiều mặt. Kinh tế kiệt quệ, nạn đói hoàn hành, trình độ dân trí thấp (cả nước tình trạng không biết chữ, biết số rất nhiều), giặc ngoại xâm thì lâm le xâm lược, bè lũ bán nước thì quấy nhiễu.

Với lòng yêu nước nồng nàn cùng với tinh thần đoàn kết một lòng, Đảng và nhân dân từng bước đẩy lùi các vấn nạn về giặc đói, giặc dốt, lợi dụng thực dân Pháp để đánh đuổi Trung Hoa Dân quốc về nước và tạm kí hiệp định hòa hoãn Hiệp định sơ bộ (6/3/1946) và Tạm ước (14/9/1946).

Ngày 6/3/1946, Pháp đánh chiếm Nam Bộ, Nam Trung Bộ. Trung ương Đảng đã phân tích và dự đoán chậm nhất ngày 20/12/1946 quân Pháp sẽ tiến đánh vào Hà Nội.

Khoảng 20 giờ, ngày 19/12/1946, Bác Hồ đã cho đọc “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” nhằm khêu gợi lòng yêu nước kêu cả nước vùng lên chống giặc, bảo vệ đất nước một lần nữa:

“...Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng , thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm quyết tâm cướp nước ta lần nữa!

Không! Chúng ta thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ...

Bất kì đàn ông, đàn bà, bất kì người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gọc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước...”

Lời kêu gọi của như mồi lửa bật cháy hơn ngọn lửa yêu nước đang bùng cháy rừng rực trong tim của mỗi người Việt. Nhờ vậy tinh thần của dân ta được nâng lên cao nhất để chuẩn bị cho một cuộc chiến toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.

Với chiến dịch thu đông 1947, biên giới thu đông 1950, Hòa Bình đông xuân 1951 – 1952, chiến dịch Tây Bắc thu đông 1952 và tấn công chiến lược đông xuân 1953 – 1954 là bàn đạp để chúng ta tiến tới trận chiến cùng chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.

Chiều 7/5/1954, quân ta giành chiến thắng ở Điện Biên Phủ buộc Pháp phải lên bàn đàm phán kí hiệp định Giơnevơ. Sau hiệp định, Mĩ càng này lún sâu vào Việt Nam, cách mạng Việt Nam từ giữa năm 1954 đã chuyển từ đấu tranh vũ trang chống Pháp sang đấu tranh chính trị chống Mĩ – Diệm.

Mĩ lún sâu hơn vào chiến trường Việt Nam, Mĩ tiến hành chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961 – 1965), “Chiến tranh cục bộ” (1965 – 1968), chiến tranh phá hoại miền Bắc lần 1 (1965 – 1968), chiến tranh phá hoại miền Bắc lần 2 (1969 – 1973).

Mặc dù Bác đã ra đi vào ngày 2/9/1969, nhưng lòng yêu nước, hình ảnh của Bác vẫn còn luôn sống mãi trong trái tim, lý trí của mỗi người con đất Việt.

Với một lòng yêu nước mãnh liệt, ý chí kiên định, kiên cường bất khuất, niềm tin bất diệt vào Đảng, quân và dân ta đã đoàn kết, đồng lòng đánh bại các chiến lược chiến tranh của Mĩ, buộc Mĩ phải lên bàn đàm phán, kí hiệp định Paris rút quân ra khỏi Việt Nam, trả lại quyền độc lập, tự do, tự trị chính trị cho Việt Nam vào ngày 27/1/1973.

Từ năm 1973 đến năm 1975, Bộ Chính trị và Trung ương Đảng theo ý nguyện của Bác, đã tiến hành thực hiện giải phóng miền Nam. Cuối cùng vào 10 giờ 45 phút ngày 30/4/1975, xe tăng và bộ binh của ta tiến vào Dinh Độc Lập bắt toàn bộ chính quyền Nội các Sài Gòn. Dương Văn Minh, tổng thống của chính quyền tay sai đầu hàng. 11 giờ 30 cùng ngày, lá cờ cách mạng tung bay trên nóc Dinh Độc Lập đánh dấu sự thống nhất Nam – Bắc của nước ta, đánh dấu nước ta hoàn toàn độc lập, đánh đuổi được ngoại xâm và bè lũ tay sai.

Nhân dân ta giàu lòng yêu nước, đoàn kết nhất trí, lao động cần cù, chiến đấu dũng cảm vì sự nghiệp giải phóng miền Nam, xây dựng và bảo vệ miền Bắc, thống nhất nước nhà. Hậu phương miền Bắc không ngừng lớn mạnh, đáp ứng kịp thời các yêu cầu của cuộc chiến đấu ở cả hai miền.

Nhờ có lòng yêu nước cháy bỏng mà dân ta từ được thống nhất, từ đây Việt Nam bước vào kỉ nguyên độc lập, xây dựng đất nước trong thời đại mới.

2.1.5 Chủ nghĩa yêu nước trong buổi đầu thống nhất (năm 1975 – năm 1986)

Vì chiến tranh, bom đạn, khói lửa đã kết thúc vì thế lòng yêu nước còn được gắn liền với hành động tăng gia sản xuất, tích cực xây dựng cơ sở vật chất về mọi mặt cho nhà nước mới được thống nhất. Từ 1981 – 1985, sản xuất nông nghiệp tăng bình quân 4.9% so với 1.9% của năm 1976 – 1980, sản xuất công nghiệp tăng bình quân 9.5% so với 0.6% của năm 1976 – 1980. Hàng trăm công trình tương đối lớn, hàng nghìn công trình vừa và nhỏ được hoàn thành. Dầu mỏ được khai thác, công trình thủy điện Hòa Bình, Trị An được khẩn trương xây dựng. Các hoạt động khoa học – kĩ thuật được triển khai, góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển tạo động lực cho phát triển kinh tế.

Hạnh phúc, hòa bình chưa được bao lâu, quân ta phải đối mặt với các tập đoàn Khơme đỏ ở Campuchia do Pôn Pốt cầm đầu, xâm phạm nhiều vùng nước ta từ Hà Tiên đến Tây Ninh. Phía Bắc, quân Trung Quốc vào sáng 17/2/1979 huy động 32 sư đoàn tiến công dọc biên giới nước ta từ Móng Cái – Quảng Ninh cho đến Phong Thổ - Lai Châu.

Với một lòng yêu nước nồng nàn và tinh thần quốc tế trong sáng, quân ta đã giải phóng thủ đô Phnôm Pênh vào ngày 7/1/1979, quân ta đồng thời đánh đuổi được Trung Quốc vào ngày 18/3/1979.

2.1.6 Chủ nghĩa yêu nước trong thời kỳ đổi mới (năm 1986 – nay)

Tình hình thế giới ngày càng khó lường. Mặc dù giành được một nền hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn. Nhưng tình hình chính trị và an ninh thế giới thay đổi rất nhanh chóng và phức tạp. Châu Á – Thái Bình Dương, đặc biệt là Đông Nam Á, có vai trò to lớn trong việc duy trì nền hòa bình, hợp tác, ổn định của các nước trong khu vực, tuy nhiên đây cũng là một trong những khu vực xảy ra cạnh tranh với một số nước lớn về tranh chấp chủ quyền, lãnh thổ và biển đảo. tình hình biển Đông còn rất gay gắt và phức tạp.

Quá trình mở cửa, hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa đã và đem lại nhiều biến đổi trong đời sống xã hội của đất nước, trong đó lĩnh vực văn hóa – tư tưởng – khoa học đạt được nhiều thành tựu nhất định. Bên cạnh đó nước ta vẫn phải đối mặt với những thử thách gay gắt.

Sự nghiệp đổi mới của toàn Đảng toàn dân được tiến hành qua hơn 30 năm, đến nay đã và đang giành được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử.

Mặt trái của cơ chế thị trường đã ảnh hưởng lớn tới suy nghĩ của giới trẻ, ảnh hưởng tiêu cực đến giáo dục và phát huy văn hóa yêu nước ở Việt Nam trong giai đoạn mới.

Với muôn ngàn khó khăn như vậy, nhưng dân ta vẫn tràn đầy một lòng yêu nước tự giác và có ý thức.

Dân ta có ý thức trong việc vươn lên thoát khỏi cái nghèo, những người già hay thiếu thốn vẫn tự giác xin rút nghèo khi hoàn cảnh mình đã thoát nghèo. Nhân dân chăm lo làm kinh tế, xây dựng kinh tế, thúc đẩy tốc độ tăng trưởng kinh tế bền vững qua nhiều năm mặc dù phải chịu không ít khó khăn từ kinh tế thế giới, cũng như thiên tai và dịch bệnh.

Chỉ có một bộ phận nhỏ giới trẻ, thanh thiếu niên ham chơi đua đòi, còn phần lớn người dân đều tu chí làm ăn, tu dưỡng đạo đức, tích cực hưởng ứng phong trào “học tập suốt đời” của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Mọi người dân đều cố gắng nâng cao trình độ chuyên môn, kiến thức để làm ra nhiều của cải vật chất, xây dựng và phát triển đời sống kinh tế - xã hội.

Trong điều kiện của cách mạng khoa học – công nghệ đặc biệt là cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay, các nhà khoa học cũng như người dân Việt Nam đều ra sức sáng tạo, tìm tòi, phát triển tri thức mới, mạnh dạn tham gia trận tuyến về kinh tế, tri thức, khoa học và công nghệ.

Người dân luôn phát huy về tính tính tự hào của dân tộc, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, nhà nước và chính phủ. Người lớn tuổi truyền dạy cho người trẻ tuổi, thầy cô truyền dạy cho học sinh – sinh viên các giá trị cốt lõi về truyền thống của dân tộc đó là các phẩm chất về đạo đức: hiếu thảo, uống nước nhớ nguồn, đoàn kết, nhân ái, nghĩa tình,... Bênh cạnh đó là truyền dạy về các vị anh hùng của dân tộc, các bài ca chiến thắng oai hùng, tôn vinh những tấm gương tiêu biểu về lòng yêu nước trong xây dựng kinh tế - văn hóa – xã hội và khoa học.

Ngoài ra người dân còn ý thức tự giác, tuyên truyền phòng chống các thói hư tật xâu, mê tín, dị đoan. Thay đổi trong lối sống, tư duy. Tuyên truyền và quảng bá các hình đẹp mang tính nhân văn: giúp đỡ, cứu người, làm từ thiện,...

Người dân càng ngày có ý thức tự giác cao và chấp hành pháp luật hơn. Tiến hành tiết kiệm điện, nước, các tài nguyên của quốc gia, xã hội,...

Mặc dù tình trạng thanh nhiên trốn tránh nhập ngũ khi đến tuổi vẫn còn cao, nhưng với sự vận động tuyên truyền của quần chúng nhân dân, các phương tiện của truyền thống nhà nước, tỉ lệ này đã dần được giảm đi.

Người dân qua đau thương chiến tranh đã ý thức được nhiệm vụ và trách nhiệm của mình trong việc giữ gìn và bảo vệ tổ quốc. Nhân dân luôn không ngừng nâng cao nhận thức, nâng cao sự cảnh giác trước các thế lực thù địch, tuyên truyền và khuyên ngăn người khác cùng nâng cao cảnh giác trước các thế lực phản động này.

2.2 Văn hóa yêu nước – giá trị cốt lõi của dân tộc Việt Nam qua đời sống vật chất, lao động

Trong cuộc đời mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ là người khởi xướng, phát động các phong trào thi đua yêu nước, coi đây là một bộ phận quan trọng trong sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước mà còn là một bộ phận quan trọng trong quá trình lãnh đạo của Đảng. gương mẫu đi đầu trong các phong trào thi đua. “Lời kêu gọi thi đua ái quốc” nói riêng và tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung về thi đua ái quốc có giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc, có sức sống mãnh liệt, góp phần quan trọng vào sự phát triển của đất nước. phát triển của dân tộc.

Ngay sau khi Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, ngày 11/6/1948, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra “Lời kêu gọi thi đua ái quốc” nhằm động viên quân dân phát huy truyền thống yêu nước. Thực hiện các nhiệm vụ cấp bách chống giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm, đóng góp tiền của, sức lực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trong lời kêu gọi, Người nhấn mạnh: “Bổn phận của dân tộc Việt Nam, bất kỳ bộ đội, nông dân, công nhân, thương nhân, binh nhân, bác sỹ, binh nhân, nhà giáo,... dù làm việc gì cũng cần phải thi đua giúp đỡ nhau. Mọi người dân Việt Nam, già trẻ, gái trai, dù giàu nghèo, lớn nhỏ, cần trở thành chiến sĩ đấu tranh trên các mặt trận quân sự, kinh tế, chính trị, văn hóa ”. Mục đích của thi đua yêu nước là đem lại hạnh phúc cho nhân dân, cơm no áo ấm cho nhân dân; toàn dân biết đọc, biết viết; Toàn đội sẽ có đủ lương thực và vũ khí để tiêu diệt giặc ngoại xâm, cả nước được thống nhất và hoàn toàn độc lập.

Cả nước bước vào thời kỳ đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH), bên cạnh những thuận lợi, đất nước đứng trước nhiều thách thức, khó khăn, đòi hỏi tinh thần yêu nước ngày càng cao, ý chí tự lực, tự cường, lòng tự tôn dân tộc trong mỗi người Việt Nam. Vì vậy, việc đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước theo tư tưởng Hồ Chí Minh cần được nhận thức đầy đủ, nhân rộng và thực hiện một cách hiệu quả hơn.

Ngày 04 tháng 3 năm 2008, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 258/QĐ-TTg về việc lấy ngày 11 tháng 6 hàng năm là “Ngày truyền thống Thi đua ái quốc”. Đây là dịp để mọi người đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về thi đua ái quốc, gắn với việc triển khai sâu rộng, hiệu quả việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Minh; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với công tác tổ chức, vận động, hưởng ứng phong trào thi đua yêu nước trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

Ngày 15/5/2016, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã ký ban hành Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Học tập và làm theo tấm gương của Người, trên cả nước, trong các ngành, các giới, các tổ chức chính trị - xã hội đã và đang dấy lên phong trào thi đua lao động sáng tạo sôi nổi. Phát triển mạnh mẽ: phong trào xóa đói, giảm nghèo; Thanh niên xung phong; dạy tốt - học tốt; phong trào vì an ninh Tổ quốc; rèn đức luyện tài, con cháu thảo hiền; phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa; Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới ... Thông qua các phong trào thi đua, ngày càng xuất hiện nhiều anh hùng lao động, chiến sĩ thi đua, điển hình tiên tiến trong thời kỳ đổi mới.

Có thể khẳng định, hơn sáu thập kỷ qua, tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về thi đua ái quốc và phong trào thi đua ái quốc do Người phát động ngày càng thấm sâu vào đời sống xã hội và có giá trị hiện thực. tiễn đưa. Ngay từ những ngày đầu phát động, được kiểm chứng từ thực tiễn của hai cuộc kháng chiến và trong công cuộc đổi mới hiện nay, phong trào thi đua yêu nước đã được đông đảo các tầng lớp nhân dân hưởng ứng, cổ vũ. tạo động lực tinh thần vô cùng mạnh mẽ để vượt qua thời kỳ khó khăn của đất nước, thúc đẩy phát triển bền vững, xây dựng xã hội tốt đẹp.

2.3 Văn hóa yêu nước – giá trị cốt lõi của dân tộc Việt Nam qua đời sống chính trị, đạo đức, tinh thần

2.3.1 Trong chính trị - xã hội

Yêu nước ngày nay là nâng cao lòng tự hào dân tộc, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và tương lai tươi sáng của đất nước, tiền đồ của dân tộc, tránh mặc cảm, bi quan dao động.

Quần chúng hiện nay không ngừng nâng cao ý thức độc lập, tự chủ, ý chí tự lực, tự cường; tranh thủ tối đa các nguồn lực bên ngoài, gia tăng nội lực, nội lực... Phê phán các hành động tự ti về sức mạnh của dân tộc, phê phán các ý nghĩ bi quan về quá trình xây dựng con đường quá độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Lòng yêu nước hiện nay còn thể hiện ở tinh thần đoàn kết, đấu tranh chống những thói hư, tật xấu, sự bảo thủ trì trệ trong tư duy, cách nghĩ và cách làm, chống “tự diễn biến”, “Tự chuyển hóa”, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực trong xã hội.

2.3.2 Trong đạo đức, chuẩn mực xã hội

Lòng yêu nước trong đạo đức, chuẩn mực từ lâu là những bài học về tình yêu gia đình, làng xóm, quê hương, thiên nhiên, đất nước, con người. Ngoài ra nó còn là các bài học về chính nghĩa, nhân nghĩa như hiếu thảo, uống nước nhớ nguồn, kính trên dường dưới,...

2.3.3 Trong văn học, nghệ thuật

Trong văn học nghệ thuật, lòng yêu nước chính là sử dụng vẻ đẹp của nghệ thuật để cảm hóa con người, hướng con người đến ánh sáng, hướng con người tới lý tưởng và suy nghĩ sống tích cực, cao đẹp và lý tưởng.

Với các áng văn, ánh thơ, nghệ thuật giúp củng cố lòng yêu nước của nhân dân.

Qua miêu tả, lời nói, lý lẽ, giai điệu,... nghệ thuật tôn thêm vẻ đẹp của các vị anh hùng, của con người lao động, của thiên nhiên Việt Nam hùng vĩ, giúp ta tự hào hơn về đất nước, nhằm tiếp theo ngọn lửa yêu nước của dân tộc Việt.

2.4 Tổng kết

Lòng yêu nước của dân ta ở thời cổ đại (Văn Lang – Âu Lạc) chỉ mới là hạt nhân, cơ sở.

Cuộc đấu tranh đầy gian lao, quyết liệt của người Việt trong suốt hơn 1000 năm Bắc thuộc vừa chống chế độ đô hộ, giành lại quyền tự chủ, vừa bảo vệ những di sản văn hóa của tổ tiên đã nâng cao và phát triển hơn nữa về lòng yêu nước, văn hóa yêu nước. Các câu chuyện truyền thuyết về Con rồng cháu tiên, Thánh Gióng,... được lan truyền cùng với việc xây dựng miếu thờ các anh hùng đã thực sự gắn kết, khắc sâu lòng yêu nước của người Việt, để từ đó hình thành văn hóa yêu nước Việt Nam.

Văn hóa yêu nước ở Việt Nam trong hơn 9 thế kỉ phong kiến đã được tôi luyện và phát triển trong quá trình phân hóa của chế độ phong kiến.

Những cuộc kháng chiến thắng lợi không chỉ làm tăng thêm niềm tự hào dân tộc mà còn khắc sâu thêm về tình yêu quê hương, tổ quốc, lòng thương người, nhân ái, chính nghĩa và vị tha. Truyền thống yêu nước được tôi luyện và phát huy. Người Việt đã dần nhận thức sự nghiệp giữ nước không phải của riêng vua chúa, quan lại hay tướng lĩnh mà là sự nghiệp của toàn dân. Truyền thống yêu nước Việt Nam luôn luôn gắn chặt với ý thức đoàn kết dân tộc, mọi tầng lớp nhân dân, mọi lứa tuổi, mọi giới tính. Chiến tranh là nhất thời, sự nghiệp xây dựng đất nước, truyền thống yêu nước vẫn được gìn giữ và phát triển cho đời sau.

Bên cạnh đó yêu nước còn là thực hiện thi đua yêu nước, tăng gia sản xuất, nâng cao trình độ dân trí, phát triển khoa học, công nghệ nhằm xây dựng một đất nước Việt Nam giàu mạnh.

Ý thức tự giác nâng cao cảnh giác trước các thế lực thù địch, không tham gia vào các tổ chức phản động. Yêu nước là sống và làm việc theo pháp luật. Yêu nước là biết trân quý tình nghĩa, yêu thương con người, thiên nhiên đất nước, tự tôn, tự cường, tự hào về đất nước, dân tộc cũng là một phần cốt lõi trong văn hóa yêu nước việc, giúp nước Việt trong thời đại mới có thể tồn tại và phát triển trước mọi âm mưu, phá hoại của kẻ thù.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

**Tiếng Anh:**

1. Montserrat Guibernau, 2003, Nationalism and Intellectuals in Nations without States: the Catalan Case.
2. Edward B. Tylor, 1871, Primitive Culture, Research into the development of mythology, philosophy, religion, language, art, and custom, tập 1.

**Tiếng Việt:**

1. Ban chấp hành Trung ương (Ban Tuyên Giáo), 01/09/2017, Hướng dẫn số 40-HD/BTGTW.